

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	45
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	46
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	48
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	50
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	51
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	53
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	57
Tiêu chuẩn 4	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	57
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	59
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	61
Tiêu chuẩn 5	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	62
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	65

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	67
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	70
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	73
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	74
Phần IV. PHỤ LỤC	

DANH MỤC VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
2	CB – GV - NV	Cán bộ - Giáo viên – Nhân viên
3	CMTE	Cha mẹ trẻ em
4	CSVC	Cơ sở vật chất
5	GDMN	Giáo dục mầm non
6	PHT	Phó hiệu trưởng
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CB-CC-VC	Cán bộ - Công chức – Viên chức
9	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
10	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
11	ĐDĐC	Đồ dùng đồ chơi
12	BDD	Ban đại diện

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x		

Tiêu chí 3.6		X	X	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X		

1.2 Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non Thực Hành

Tên trước đây (nếu có): Trường Mầm non Thực Hành

Cơ quan chủ quản: Trường Cao đẳng Cần Thơ

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Cần Thơ
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Ninh Kiều
Xã/phường/thị trấn	Hưng Lợi
Đạt CQG	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1995
Công lập	x
Tư thực	
Dân lập	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thùy Trang
Điện thoại	02923.838.096
Fax	
Website	http://mnth.cdct.edu.vn:81/
Số điểm trường	01
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	01	01	01	01	02
Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	02	02	03	02	02
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	04	03	03	03	02
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	03	04	03	03	03
Cộng	10	10	10	09	09

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ,						

	lớp mẫu giáo						
1	Phòng kiên cố	10	10	10	09	09	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập						
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	01	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị						
1	Phòng kiên cố	07	07	07	07	12	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn						
1	Nhà bếp	01	01	01	01	01	
	Cộng	18	18	18	17	24	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	0	0	0	02	
Giáo viên	19	19	0	02	06	11	Đang học ĐHSP MN: 08
Nhân viên	9	09	0	08	02	01	
Hợp đồng	03	03	0				
Cộng	34	32	0	10	08	16	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
1	Tổng số giáo viên	21	24	21	20	20
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	13 trẻ/GV	9.6 trẻ/GV	14.7 trẻ/GV	11.3 trẻ/GV	7.7 trẻ/GV
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0

4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	17.7 trẻ/GV	16.2 trẻ/GV	15.2 trẻ/GV	15.4 trẻ/GV	17.4 trẻ/GV
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	06	0	03	0	03
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	01	0	0	0	0

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	359	358	309	296	290	
	- Nữ	173	192	172	159	147	
	- Dân tộc thiểu số	10	7	3	3	10	
2	Đối tượng chính sách	1	0	2	0	0	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	77	103	95	90	96	

5	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
6	Bán trú	359	358	309	296	290	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	35.5/lớp	34.4/lớp	30.4/lớp	32.8/lớp	34.9/lớp	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	39/nhóm	48/nhóm	35/nhóm	34/nhóm	23/nhóm	
9	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	39	49	35	34	46	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	76	73	85	68	61	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	139	92	86	96	78	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	105	144	103	98	105	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Thực Hành nằm trên địa bàn phường Hưng Lợi thuộc quận Ninh Kiều, trung tâm thành phố Cần Thơ, đã trải qua quá trình hình thành và phát triển 25 năm. Trường được thành lập từ năm 1995 với tên gọi Trường Mẫu giáo Thực Hành dưới dạng trường tư thục trực thuộc Trường Cao đẳng Cần Thơ. Đến năm 2001 chuyển về Phòng GD&ĐT quận Ninh Kiều đổi tên gọi là Trường Mầm non Thực Hành. Lúc này, trường hoạt động theo loại hình trường công lập, đến tháng 06 năm 2012 được chuyển giao về trường Cao đẳng Cần Thơ quản lý, loại hình hoạt động vẫn là trường công lập, vẫn giữ nguyên tên trường là Trường Mầm non Thực Hành.

Diện tích mặt bằng đất: 1.562,958 m² và diện tích tổng xây dựng trường là 2.378,073 m² gồm khối văn phòng: 07; phòng chức năng: 02; phòng học: 09; 01 nhà bếp và sân chơi.

Qua thời gian xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm 2015 đến 2021 trường liên tục đạt trường tiên tiến - xuất sắc; Tổ chức Công đoàn đạt vững mạnh; Chi bộ liên tục nhiều năm đạt “Trong sạch vững mạnh”.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, Đảng ủy - Ủy ban nhân dân phường Hưng Lợi. Đặc biệt, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Trường Cao đẳng Cần Thơ và Phòng GD&ĐT quận Ninh Kiều cùng với sự quan tâm kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện Cha mẹ trẻ em.

Đội ngũ CB - GV - NV đủ theo Điều lệ trường mầm non. Có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100%, trong đó số lượng giáo viên đạt chuẩn 18/20 giáo viên, tỉ lệ 90% và hiện có 08 giáo viên đang tham gia học nâng chuẩn. Qua các đợt thanh tra, kiểm tra của Trường Cao đẳng Cần Thơ và Phòng GD&ĐT, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ từ đạt trở lên. Tuy nhiên, còn một số giáo viên tuổi cao thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đôi khi còn hạn chế.

Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động tự phục vụ...

Địa bàn rộng, dân nhập cư nhiều cộng thêm việc ưu tiên cho con em của CB - GV - NV Trường Cao đẳng Cần Thơ nên trẻ ở độ tuổi mầm non tăng nhanh, nhu cầu gửi con của CMTE ngày càng cao, vì thế trường gặp khó khăn trong việc tuyển sinh đầu cấp hàng năm.

Nhân dân trên địa bàn phần lớn là cán bộ, công chức và buôn bán nhỏ nên trình độ nhận thức của CMTE chưa đồng đều, một số cha mẹ trẻ nhận thức về công tác giáo dục trẻ mầm non còn hạn chế, chưa thực sự quan tâm đến công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Mục đích TĐG

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của các trường mầm non nói chung. Trường Mầm non Thực Hành đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường theo nội dung tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT ban hành.

Mục đích của việc tự đánh giá này là nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua kết quả tự đánh giá, tập thể CB - GV - NV nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp khai thác, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của lãnh đạo và tập thể CB - GV - NV về công tác đảm bảo và hoàn thiện chất lượng được thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn, công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ hơn. Công tác tự đánh giá sẽ thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân sẽ nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo

dục, nghiên cứu khoa học, nhân lực, CSVC cũng như các vấn đề liên quan khác, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng. Tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Tự đánh giá là một quá trình liên tục được thực hiện theo kế hoạch, được giành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của các đơn vị và cá nhân trong nhà trường. Tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá phải dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá phải bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng gồm cán bộ chủ chốt của trường, trưởng các đoàn thể, các bộ phận chức năng, đại diện Công đoàn, Thanh tra nhân dân... Ban thư ký là các cán bộ, giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng viết báo cáo cho từng nhóm chuyên trách.

Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác và ban thư ký đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non Thực Hành có xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường, có đầy đủ cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý **theo** quy định. Có Hội đồng trường theo quyết định của trường Cao đẳng Cần Thơ, trường có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. CB

- GV - NV chấp hành và thực hiện theo chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường; Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở. Nhà trường thực hiện công tác quản lý chuyên môn theo quy định của Bộ GD&ĐT; thực hiện việc quản lý tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước; luôn chú trọng công tác bảo đảm an ninh trật tự. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a/ Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được qui định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b/ Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c/ Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường có xây dựng phương hướng chiến lược phát triển trường Mầm non Thực Hành theo giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2025 **phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Điều 22, Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-PQH ngày 31/12/2015 Luật giáo dục**. Từ đó xác định rõ định hướng mục tiêu chiến lược và các giải pháp cho việc thực hiện phương hướng xây dựng và phát triển nhà trường theo từng năm học. [H1-1.1-01];[H1-1.1-02].

Nhà trường dựa vào những văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền phê duyệt để xây dựng **phương hướng chiến lược** phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục [H1-1.1-01]

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết **trên trang web thông tin điện tử của** nhà trường để toàn thể CB-GV-NV, **phụ huynh và cộng đồng** được biết [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, đồng thời điều chỉnh bổ sung mục tiêu, biện pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị theo từng thời điểm tiến hành các giải pháp giám sát việc, đối chiếu với chỉ tiêu kinh tế xã hội của địa phương đối với việc thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục của đơn vị [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05] qua đó nắm bắt kịp thời những mặt khó khăn hạn chế điều chỉnh bổ sung mục tiêu, biện pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị [H1-1.1-06].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong HĐ trường, CBQL, GV, NV. **Tuy nhiên chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường** [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện tốt các phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng giai đoạn, từng năm học đã đề ra phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được qui định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo từng giai đoạn. **Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết trên trang web thông tin điện tử của nhà trường để toàn thể CB-GV-NV, phụ huynh và cộng đồng được biết.**

3. Điểm yếu:

Chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm học tới, nhà trường tăng cường biện pháp tuyên truyền các văn bản về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường. Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CB - GV - NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a/ Được thành lập theo qui định

b/ Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo qui định.

c/ Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường tham mưu với lãnh đạo Trường Cao đẳng Cần Thơ để thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ 2015-2020 do bà Nguyễn Thị Thùy Trang làm chủ tịch hội đồng với 11 thành viên theo quyết định số 1979/QĐ-CDCT và đề nghị số 94/ĐN- MNTH ngày 30/12/2016 về việc ra quyết định đổi chức danh hội đồng trường và nhận quyết định thay thế số 08/QĐ-CDCT ngày 05/01/2017 [H1-1.2-01]. Ngoài ra, nhà trường còn thành lập các hội đồng khác như: **Hội đồng Thi đua - khen thưởng Quyết định 127a/QĐ-MNTH ngày 19/10/2020 [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm cấp trường [H1-1.2-03]; Hội đồng Tự đánh giá [H1-1.2-04]; Hội đồng đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, PHT; Hội đồng đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVMN; Hội đồng đánh giá viên chức [H1-1.2-05]. Thành lập Ban tổ chức Hội thi GV dạy giỏi cấp trường [H1-1.2-06]; Tổ tư vấn tuyển sinh thực hiện công tác huy động trẻ vào đầu năm học. [H1-1.2-07]**

Hội đồng trường và các Hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định: Hội đồng trường chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà

trường đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục phù hợp với quy định của pháp luật, tại Điều 18, Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 [H1-1.2-08];[H1-1.1-05]. Hội đồng Thi đua - khen thưởng của nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều lệ trường MN tại Điều 19 [H1-1.2-02]. Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm thực hiện tại Điều 8 của Nghị định 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 [H1-1.2-03]. Hội đồng Tự đánh giá thực hiện tại Điều 25 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 [H1-1.2-04]. Tuy nhiên, một số thành viên trong Hội đồng Tự đánh giá là GV đứng lớp nên gặp khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, kiểm định chất lượng GD theo các tiêu chí được phân công.

Hàng năm, Hội đồng trường tổ chức họp định kỳ 3 lần/năm [H1-1.2-08];[H1-1.1-05]; Hội đồng thi đua khen thưởng tổ chức họp xét thi đua hằng tháng, học kỳ và cuối năm [H1-1.2-02]. Các Hội đồng khác hoạt động theo thời gian quy định [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08]; [H1-1.2-10].

Mức 2:

Hoạt động của các hội đồng đạt hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ em của nhà trường [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh:

Hoạt động của các hội đồng đạt hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ em của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một số thành viên trong Hội đồng Tự đánh giá là GV đứng lớp nên gặp khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, kiểm định chất lượng GD theo các tiêu chí được phân công.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò của từng thành viên trong hội đồng để đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng tiến hành sắp xếp phân công nhân sự tham gia Hội đồng kiểm định chất lượng GD gắn với nhiệm vụ thực tế để thuận tiện cho công tác Tự đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

- a/ Các đoàn thể, các tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo qui định.*
- b/ Hoạt động theo qui định.*
- c/ Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

- a/ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo qui định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.*
- b/ Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

- a/ Trong 5 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá , tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.*
- b/ Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức **đoàn thể** như: Công đoàn bộ phận trực thuộc công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Cần Thơ hiện có 29 công đoàn viên, nhiệm kỳ 2017-2022 do bà Lương Thị Hồng Cúc làm Chủ tịch công đoàn bộ phận, bà An Yên Phương là phó chủ tịch và bà Lê Thị Hương là ủy viên ban chấp hành. [H1-1.3-01]. Chi đoàn Thanh niên của trường trực thuộc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Cần Thơ gồm 07 đoàn viên do đồng chí An Yên Phương làm Bí thư, Nguyễn Thụy Thảo Nguyên làm phó Bí thư, đồng chí Thiều Thị Hồng là ủy viên ban chấp hành được công nhận theo quyết định ban chấp hành số 09/QĐ-ĐTN ngày 26/3/2017 [H1-1.3-02].

Các tổ chức đoàn thể tại trường hoạt động theo đúng quy định: Công đoàn bộ phận trường Mầm non Thực Hành hoạt động theo điều lệ Công đoàn Việt Nam [H1-1.3-03]. **Chi đoàn hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-04].**

Hằng năm, các hoạt động của các đoàn thể Công đoàn, Đoàn Thanh niên được rà soát, đánh giá điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường qua kế hoạch công tác tháng [H1-1.1-06], báo cáo tổng kết Công đoàn và Chi đoàn [H1-1.3-05]. Tuy nhiên nhiều thông tin do thông báo đột xuất nên đôi lúc còn báo cáo chưa kịp thời, chính xác

Mức 2:

Hiện tại, nhà trường có Chi bộ độc lập hoạt động dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Trường Cao Đẳng Cần Thơ. Chi bộ Đảng nhiệm kỳ 2020-2022 gồm 13 Đảng viên do đồng chí Nguyễn Thị Thùy Trang giữ chức danh bí thư Chi bộ; đồng chí Võ Thị Bảo Thy giữ chức danh phó Bí thư và đồng chí Võ Thị Thanh Nhân là chi ủy viên. Chi bộ luôn chấp hành tốt sự chỉ đạo, quản lý của các cấp ủy Đảng và tổ chức hoạt động theo qui định. Trong 05 năm liên kế chi bộ đều được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ, **được** công nhận “Trong sạch vững mạnh”. [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

Công đoàn **bộ phận** và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh không ngừng đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức **đoàn thể**, đảm bảo 100% công đoàn viên trong nhà trường được chăm lo đời sống và được bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp chính đáng theo quy định; đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, tham gia các phong trào do ngành phát động như: Tham gia đóng góp quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, tháng hành động vì trẻ em, tham gia Hội thi GV mầm non dạy giỏi các cấp... phong trào văn nghệ, hành quân về nguồn, hiến máu nhân đạo... [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.2-06].

Mức 3:

Chi bộ nhà trường trong 05 năm đều đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó có một năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-08]

Hằng năm, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng: Tham gia đóng góp quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, tháng hành động vì trẻ em, tham gia Hội thi GV mầm non dạy giỏi các cấp..., phong trào văn nghệ, hành quân về nguồn, hiến máu nhân đạo... [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh:

Hàng năm chi bộ nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra, công đoàn bộ phận đạt danh hiệu cao .

3. Điểm yếu:

Nhiều thông tin do thông báo đột xuất nên đôi lúc còn báo cáo chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm học tiếp theo, chi bộ tiếp tục duy trì danh hiệu đã đạt trong các năm qua bằng cách không ngừng đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ, phát huy vai trò gương mẫu của người đứng đầu, nghiêm túc trong công tác phê và tự phê, chỉ đạo đội ngũ đẩy mạnh ‘Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh’ qua các hành động thiết thực trong hoạt động thường ngày. Hội đồng thi đua bổ sung vào quy ước thi đua của năm học 2020- 2021, khoản điểm trừ từ 0.25 điểm đến 0.5 điểm đối với những bộ phận, cá nhân phụ trách báo cáo, thống kê số liệu sai, thiếu chính xác.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a/ Có Hiệu Trưởng, số lượng Phó Hiệu Trưởng theo qui định.

b/ Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo qui định.

c/ Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo qui định.

Mức 2:

a/ Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

b/ Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kì rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a/ Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng vào các hoạt động của nhà trường.

b/ Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số: 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/6/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập, Trường Mầm non Thực Hành là trường hạng I có 01 Hiệu trưởng và 02 PHT theo quy định. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang giữ chức danh Hiệu Trưởng theo quyết định số 464/QĐ-CDCT ngày 25/7/2019. 02 PHT là bà Võ Thị Bảo Thy giữ chức danh PHT bán trú theo quyết định số 606/QĐ-CDCT ngày 25/9/2019 và bà Võ Thị Thanh Nhân giữ chức danh PHT chuyên môn theo quyết định số 654/QĐ-CDCT ngày 28/6/2016. [H1-1.4-01].

Trường Mầm non Thực Hành có cơ cấu tổ chức, quyết định phân công và thành lập 03 tổ chuyên môn và tổ văn phòng, trong đó các tổ chuyên môn được phân công như sau: 01 tổ chồi + lá: do bà Hà Thị Cẩm Tú làm tổ khối trưởng và bà Huỳnh Hà Bích Trâm làm tổ phó gồm có 10 thành viên, 01 tổ Nhà trẻ + Mầm do bà Nguyễn Thị Hương làm tổ khối trưởng và bà Trần Thị Kim Ngân làm tổ khối phó gồm có 08 thành viên, và 01 tổ cấp dưỡng do bà Nguyễn Thị Lệ Hoa làm tổ khối trưởng gồm có 03 thành viên. Tổ văn phòng gồm 05 thành viên do bà Lê Thị Hương làm tổ trưởng gồm có 01 kế toán kiêm nhiệm văn thư, 01 thủ quỹ, 01 y tế, 02 bảo vệ [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng nhà trường có xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường MN. Tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học nhằm thực hiện Chương trình GDMN, tổ chức hội họp, dự giờ, thao giảng...[H1-1.4-04]. Các tổ chuyên môn căn cứ kế hoạch chung của nhà trường và tình hình thực tế của tổ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời đề xuất các nội dung bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề của trường và của từng cá nhân vào đầu năm học nhằm nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ [H1-1.4-05]. Tham gia kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, ĐDDC, thiết bị của trường và các nhóm, lớp [H1-1.4-06]. Ngoài ra, tổ chuyên môn còn tham gia đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV mầm non theo quy định [H1-1.4-07]. Tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, năm nhằm thực hiện cho việc phục vụ hoạt động của nhà trường về chăm sóc dinh dưỡng, quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường, tham gia đánh giá xếp loại viên chức và người lao động cuối năm học [H1-1.4-08].

Mức 2:

Hằng năm, các tổ chuyên môn căn cứ kế hoạch chung của nhà trường và tình hình thực tế của tổ để xây dựng kế hoạch, đồng thời chủ động đề xuất ý kiến, các chuyên đề, nội dung bồi dưỡng chuyên môn còn hạn chế để trình lãnh đạo nhà trường phê duyệt và thực hiện nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ có hiệu quả [H1-1.4-04].

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ Văn phòng được ban lãnh đạo thường xuyên duyệt kế hoạch, kiểm tra hồ sơ sổ sách, hoạt động nhằm đánh giá công tác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được phân công qua đó cũng điều chỉnh, góp ý các hoạt động chưa đạt được của tổ chuyên môn [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ Văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Các tổ chuyên môn tích cực tham gia Hội thi làm ĐDDC cho trẻ MN; Hội thi Xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm cấp trường [H1-1.4-09].

Các tổ chuyên môn trong nhà trường tích cực thực hiện các chuyên đề trọng tâm do nhà trường và ngành phát động như: Chuyên đề phát triển vận động, chuyên đề đổi mới nội dung phương pháp giáo dục ngôn ngữ cho trẻ MN, chuyên đề Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm. Ngoài ra, còn tích cực tham gia phong trào Sáng tạo ĐDDC cho trẻ MN, Xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm cấp trường. [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10].

2. Điểm mạnh:

Tổ khối chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Thường xuyên được kiểm tra, đánh giá, góp ý. Xây dựng kế hoạch, đồng thời chủ động đề xuất ý kiến, các chuyên đề, nội dung bồi dưỡng chuyên môn còn hạn chế để trình lãnh đạo nhà trường phê duyệt và thực hiện nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ có hiệu quả

3. Điểm yếu:

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm học tiếp theo, ban lãnh đạo nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn duy trì thực hiện tốt nhiệm vụ tổ khối theo quy định, đồng thời tiếp tục cải tiến nội dung, hình thức tổ chức phong phú nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và nhóm mẫu giáo

Mức 1:

a/ Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với trẻ tối đa qui định tại điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép.

b/ Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học buổi trên ngày.

c/ Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02(hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá qui định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Năm học 2020-2021, **nhà trường có 09 nhóm lớp với tổng số học sinh** là 290 trẻ. Nhà trường nhận số lượng trẻ theo đúng chỉ tiêu kế hoạch và phân chia vào đúng độ tuổi các lớp [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

100% trẻ được học bán trú tại trường [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04]

Trong năm, nhà trường không có trẻ khuyết tật trong các nhóm lớp.

Mức 2:

Trường có tất cả 290 trẻ được phân chia theo độ tuổi và được bố trí vào 09 nhóm, lớp như sau: 02 nhóm 25-36 tháng có 46 trẻ, 02 lớp mầm có 61 trẻ mỗi lớp vượt 05 trẻ,

02 lớp chồi có 78 trẻ mỗi lớp vượt 24 trẻ, 03 lớp lá có 105 trẻ đảm bảo theo Khoản 1, Điều 13 của Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01];[H1-1.5-02]

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, hiện tại chỉ có 01 nhóm trẻ và 08 lớp mẫu giáo. [H1-1.5-01];[H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường nhận trẻ và phân chia trẻ theo nhóm lớp theo độ tuổi phù hợp với trẻ đảm bảo khoản 1, điều 13 của điều lệ trường mầm non .

3. Điểm yếu:

Số lượng trẻ ở nhóm lớp Mầm, Chồi vượt so với quy định của điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học sau, ban lãnh đạo nhà trường tiếp tục tham mưu với lãnh đạo trường Cao đẳng Cần Thơ và Phòng giáo dục nhận trẻ đúng theo kế hoạch đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

a/ Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu giữ theo quy định.

b/ Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế về chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

c/ Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a/ Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính tài sản của nhà trường.

b/ Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, văn bản, công văn đi đến đầy đủ, khoa học theo quy định [H1-1.6-01]. Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, hệ thống văn bản về quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định của Luật lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Nội vụ.

Định kỳ hàng năm, kế toán nhà trường có lập dự toán thu chi gửi về phòng tổ chức hành chính sự nghiệp Sở Tài chính thẩm tra, phê duyệt dự toán. [H1-1.6-02], thực hiện báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính về: ngân sách, học phí, bán trú (thực hiện theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính) [H1-1.6-03]. Thực hiện công khai tài chính theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 [H1-1.6-04]. Hàng năm, tổ chức kiểm kê tài sản cùng với Ban kiểm tra tài sản của đơn vị cấp quản lý Trường Cao đẳng Cần Thơ [H1-1.6-05]. Hiệu trưởng ra quyết định ban hành quy chế tự kiểm tra kiểm tra tài chính kế toán tại cơ quan theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, tài sản [H1-1.6-06]. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và các quy định hiện hành [H1-1.6-07].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đảm bảo đúng mục đích, đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo hệ thống văn bản quy định hiện hành về quản lý tài chính, tài sản. Thực hiện quản lý lưu trữ hồ sơ chứng từ đầy đủ khoa học, công khai tài chính trong hội đồng trường tạo điều kiện cho CB - GV - CNV theo dõi kịp thời các khoản thu chi của nhà trường [H1-1.6-01]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện có hiệu quả việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như phần mềm quản lý nguồn thu, phần mềm dịch vụ công trực tuyến với kho bạc, phần mềm bảo hiểm xã hội, phần mềm dinh dưỡng, phần mềm kiểm định, phần mềm quản lý nhân sựTriển khai thực hiện có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung toàn ngành của Bộ GD&ĐT như: hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục và chống mù chữ, phần mềm thống kê số liệu quản lý giáo dục...Việc ứng dụng phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm bán trú đã mang lại nhiều kết quả, vừa tiết kiệm thời gian vừa đem lại hiệu quả trong công tác quản lý. Sử dụng công nghệ trực tuyến đảm bảo kết nối liên thông dữ liệu từ trường đến phòng, sở chính xác, kịp thời [H1-1.6-08].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm nào liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Theo định kỳ, nhà trường được các cấp có thẩm quyền thẩm tra và phân bổ dự toán [H1-1.6-09].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện việc thu chi tài chính theo quy định hiện hành của Bộ tài chính, Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT. Tuy nhiên, do ngân sách đầu tư của nhà nước cho GDMN còn hạn chế, không có đủ điều kiện trang bị cơ sở vật chất tốt nhất cho việc dạy và giáo dục trẻ. Vì vậy, công tác xã hội hóa giáo dục cũng được nhà trường xem như một phương châm, một phương thức để tạo nguồn cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi, tạo môi trường học tập tốt cho trẻ [H1-1.6-10]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn.

2. Điểm mạnh:

Trường lưu trữ đầy đủ các báo cáo tài chính. Hồ sơ, văn bản được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Nhà trường thực hiện có hiệu quả việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm học tiếp theo Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a/ Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

b/ Phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

c/ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Ban lãnh đạo xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.7-01]. Tham gia đầy đủ các buổi học tập chuyên môn, chuyên đề do ngành tổ chức đồng thời đề ra các biện pháp để phát huy được năng lực của CB-GV-NV, trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Cử GV tham gia học các lớp nâng chuẩn về chuyên môn. Năm học 2020-2021 trường có 08 GV đang tham gia lớp nâng chuẩn ĐHSPTM .

Hằng năm căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập; đồng thời căn cứ biên chế nhân sự được duyệt trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ năm học và yêu cầu công tác từng vị trí, nhà trường xây dựng Đề án vị trí việc làm theo từng vị trí công việc kể cả công tác kiêm nhiệm cho các cá nhân. Hiệu trưởng có thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của

nhà trường [H1-1.7-02]. Nghiêm túc thực hiện việc giới thiệu, quy hoạch, bổ nhiệm viên chức, bổ nhiệm lại CBQL trong nhà trường [H1-1.7-03]

CB-GV-NV được đảm bảo các quyền theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 37 của Điều lệ trường MN, văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDDT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ GD&ĐT như: được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, CSGD trẻ; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-01]; được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của Pháp luật khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo[H1-1.7-04];[H1-1.3-05].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp huy năng lực của CB-GV-NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục như thực hiện công tác đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định; luôn tạo điều kiện cho đội ngũ tham gia học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ...và đã được lãnh đạo nhà trường Cao đẳng Cần Thơ thống nhất phê duyệt [H1-1.7-03]; [H1-1.7-05]. Tuy nhiên, một số GV chưa linh hoạt sáng tạo, mạnh dạn thay đổi hình thức tổ chức một số hoạt động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng năm học và xây dựng kế hoạch chuyên môn, tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ để đạt hiệu quả cao trong chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu:

Một số GV chưa linh hoạt sáng tạo, mạnh dạn thay đổi hình thức tổ chức một số hoạt động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục phát huy thực hiện xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng năm học và xây dựng kế hoạch chuyên môn gợi ý cho giáo viên cách thức tổ chức một số hoạt động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm để đạt hiệu quả cao trong chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a/ Kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b/ Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ

c/ Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường bám sát chương trình GDMN sửa đổi theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ GD&ĐT và căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ bậc học MN của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT quận Ninh Kiều, đặc điểm tình hình của địa phương và nhà trường để xây dựng kế hoạch GD phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường[H1-1.8-01].

Tất cả các nhóm lớp thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục. Các loại kế hoạch thực hiện đầy đủ theo năm, tháng, tuần [H1-1.8-02].

Hàng tháng, PHT phụ trách chuyên môn thường xuyên kiểm tra định kỳ để có phương hướng điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Ban lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý thông qua công tác kiểm tra, đánh giá các hoạt động GD nuôi dưỡng, CSGD trẻ, có các biện pháp chỉ đạo kiểm tra như kiểm tra kiến thức, kỹ năng trẻ kiểm tra việc đánh giá mục tiêu nội dung chương trình GDMN, kiểm tra hồ sơ sổ sách chuyên môn, kiểm tra các hoạt động GD trong và ngoài giờ học, các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh cho trẻ [H1-1.8-04]. Qua các đợt thanh tra, kiểm tra chuyên môn của cấp trên các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động chuyên môn, chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ, được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả cao [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh:

Trong những năm học tiếp theo, ban lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục được quy định của Điều lệ trường mầm non, ban lãnh đạo nhà trường và giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với tình hình thực tế tại nhà trường và lớp

3. Điểm yếu:

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo vận động CMTE hỗ trợ CSVC cho nhà trường để xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đạt hiệu quả tốt nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 1:

a/ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b/ Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

c/ Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, CB - GV - NV của nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Trường Mầm non Thực Hành xây dựng quy chế dân chủ theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGD - ĐT ngày 01/03/2000 của Bộ GD&ĐT và Nghị định số

04/2015/NĐ-CP của Chính phủ và được thông qua hội nghị công chức, viên chức và người lao động về Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường [H1-1.7-04].

Trong năm 2020-2021 và những năm trước đó, nhà trường không có trường hợp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của CB-CC-VC và CMTE.

Hằng năm, Ban Thanh tra nhân dân thực hiện xây dựng quy chế dân chủ và các báo cáo về việc thực hiện Quy chế dân chủ công khai đến tập thể nhà trường tại Hội nghị CB-CC-VC [H1-1.7-04].

Mức 2 :

Nhà trường thực hiện quy chế dân chủ một cách công khai, minh bạch và hiệu quả. Công đoàn chỉ đạo Ban Thanh tra nhân dân giám sát kịp thời việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường thể hiện qua việc dự và ghi nhận các ý kiến của CBQL, GV, NV hoặc cùng bàn bạc để thống nhất KH thực hiện nhiệm vụ của các tổ khối trong nhà trường. Kiểm tra một số hoạt động của nhà trường và công khai kết quả trên bảng thông tin nội bộ của nhà trường [H1-1.7-04]; [H1-1.3-05].

2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Trong các năm học qua, nhà trường không xảy ra trường hợp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường tiếp tục giữ vững và phát huy hiệu quả công tác thực hiện dân chủ trong nhà trường. BLĐ nhà trường phối hợp với các đoàn thể tiếp tục xây dựng môi đoàn kết trong tập thể sư phạm nhà trường, mọi hoạt động được công khai minh bạch, làm tốt công tác tư tưởng, không để xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CB, GV, NV và CMTETiếp tục phát huy và xây dựng quy chế dân chủ có hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a/ Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b/ Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường.

c/ Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a/ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b/ Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch và phương án về đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng đơn vị văn hóa trường học, thực hiện giáo dục trật tự, an toàn giao thông, thực hiện phân công 02 bảo vệ trực trong giờ đón, trả trẻ, trực đêm, trực ngày nghỉ, thực hiện trông giữ và sắp xếp xe cho phụ huynh, không gây ùn tắc giao thông trước cổng trường và giờ cao điểm, sắp xếp khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên nhà trường phối hợp thực hiện tốt phương án đề ra, đồng thời thường xuyên phối hợp với đội bảo ngũ bảo vệ trường Cao đẳng Cần Thơ, công an phường và chính quyền địa phương để tăng cường an ninh trật tự trong nhà trường. [H1-1.10-01]. Trường có xây dựng kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm. Trường

phối hợp với Trạm y tế phường, Trung tâm y tế dự phòng để kiểm tra VSATTP. [H1-1.10-02]; Nhà trường có xây dựng kế hoạch và tập huấn cho 100% đội ngũ về an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; Ngoài ra nhà trường có xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, có tổ chức tập huấn cho đội ngũ về cách sử dụng 02 loại bình chữa cháy khi có sự cố xảy ra, nhà trường cử được 15 trong số 16 thành viên trong đội phòng cháy chữa cháy tại chỗ của trường dự lớp tập huấn PCCC do Công an PCCC thành phố Cần Thơ tổ chức [H1-1.10-04] . Trường có xây dựng phương án, kế hoạch và thực hiện tốt công tác phòng ngừa, ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai, để đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ [H1-1.10-05]; nhà trường tuyên truyền về các dịch bệnh theo mùa và có kế hoạch phòng chống dịch bệnh cho trẻ, tuyệt đối không nhận trẻ có bệnh lây lan vào lớp học, theo dõi chặt chẽ việc trẻ về giữa buổi trong ngày [H1-1.10-06]; Về vấn đề bạo lực học đường trong giai đoạn hiện nay đang trở nên khá phổ biến, từ phía nhà trường luôn chủ động trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề” Đẩy mạnh phòng, chống bạo hành trẻ trong các cơ sở GDMN” đồng thời trao đổi thông tin với cha mẹ trẻ nắm bắt tình hình cũng như biểu hiện của trẻ, giải quyết ngay khi trẻ có biểu hiện của những hành vi tiêu cực và bạo lực và tất cả CB-GV-NV, nhà trường thực hiện cam kết 100% không vi phạm bạo lực học đường trẻ em [H1-1.10-07]. Trường có nhà bếp được xây dựng theo quy trình bếp một chiều đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Nhà trường được đoàn kiểm tra VSATTP của phường, quận đánh giá và xếp loại tốt. Trường có xây dựng kế hoạch phòng chống ngộ độc thực phẩm cụ thể là ký hợp đồng với các nhà cung cấp thực phẩm có địa chỉ đáng tin cậy, nguồn gốc rõ ràng [H1-1.10-08]. Hằng năm, trường được UBND quận Ninh Kiều cấp giấy chứng nhận trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-09]. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và không có biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự nhà trường.

Nhà trường có hộp thư góp ý và có thực hiện đường dây nóng để tiếp nhận thông tin từ phía phụ huynh và có biện pháp xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cha mẹ trẻ. Có biện pháp đảm bảo an toàn tuyệt đối cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường trẻ, cho CB-GV-NV của trường và được công nhận là trường học an toàn [H1-1.10-10].

Trong những năm qua tính đến thời điểm tự đánh giá, đơn vị không xảy ra trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CB-GV-NV thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự VSATTP, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai lũ lụt, phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường [H1-1.8-04].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-01]; [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện kế hoạch có phương án đảm bảo an ninh trật tự và phát động 100% CB-GV-NV cam kết thực hiện tốt an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; nhà trường có tổ chức bữa ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu:

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Ban lãnh đạo nhà trường tiếp tục tham mưu với lãnh đạo Trường Cao Đẳng Cần Thơ và đầu tư, mua sắm cơ sở vật chất .

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1: Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non, các lớp học được phân chia theo đúng độ tuổi, thực hiện hồ sơ đảm bảo theo Điều lệ trường mầm non, thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý trẻ theo quy định. Nhà trường luôn thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trường MN Thực Hành đã triển khai thực hiện tốt các văn bản quy định có liên quan đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ theo quy trình và tiêu chí rõ ràng, minh bạch nên đã có được đội ngũ CB-GV-NV có phẩm chất đạo đức, có năng

lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường có đủ số lượng NV đáp ứng nhu cầu CSGD trẻ, đội ngũ NV nhiệt tình công tác, có ý thức kỷ luật, có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định*
- b) *Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên*
- c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định*

Mức 2:

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.*
- b) *Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Ban lãnh đạo nhà trường gồm có Hiệu trưởng là Bà Nguyễn Thị Thùy Trang có thời gian công tác trên 25 năm liên tục trong ngành GDMN từ tháng 9/1996 đến nay, Hiệu trưởng đạt trình độ chuyên môn là Đại học Sư phạm Mầm non, đã được đào tạo, bồi dưỡng qua lớp nghiệp vụ quản lý giáo dục và đạt trình độ Trung cấp lý luận chính trị. Trường có 02 PHT là bà Võ Thị Bảo Thy có thời gian công tác liên tục 20 năm từ ngày 01/11/2001 đến nay và bà Võ Thị Thanh Nhân có thời gian công tác liên tục 20 năm từ tháng 01/9/2001 đến nay, 02 PHT đều đạt trình độ chuyên môn là ĐHSPTN, đã được đào tạo, bồi dưỡng qua lớp chuyên viên và đều đạt trình độ Trung cấp lý luận chính trị. Ban lãnh đạo nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có lối sống trong sáng, lành mạnh, trung thực, nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức quản lý nhà trường, quan tâm gần gũi trẻ, có uy tín, được CMTE, hội đồng trường, CB-GV-NV trong trường tín nhiệm, có đủ sức khỏe công tác và đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H2-2.1-0.1]; [H2-2.1-0.2];[H2-2.1-03]

Hàng năm, Hiệu trưởng và các 02 PHT được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, PHT theo Thông tư 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14/4/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành chuẩn hiệu trưởng trường MN; từ năm học 2018-2019, đánh giá theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở GDMN và Công văn số 5568/ BGDDĐT-NGCBQLGD ngày 06/12/2018 của Bộ GD&ĐT [H2-2.1-0.2].

HIỆU TRƯỞNG	Chức vụ	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Nguyễn Thị Thùy Trang	HT	Xuất sắc	Xuất sắc	Khá	Tốt	/
Võ Thị Bảo Thy	PHT	Xuất sắc	Xuất sắc	Khá	Khá	/
Võ Thị Thanh Nhân	PHT	Xuất sắc	Xuất sắc	Khá	Khá	/

Cán bộ quản lý của nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý GD, bồi dưỡng lớp chuyên viên theo quy định. Trong 5 năm liên tiếp, Hiệu trưởng và 2 PHT đều đạt cách danh hiệu, giấy khen và bằng khen. [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05]

BẢNG TỔNG HỢP DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ

HIỆU TRƯỞNG	Chức vụ	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Nguyễn Thị Thùy Trang	HT	CSTĐ CS CSTĐ TP BK CT UBND	CSTĐ CS	CSTĐ CS BKCT UBND BK TTCP	CSTĐ CS	/
Võ Thị Bảo Thy	PHT BT	CSTĐ CS CSTĐ TP	CSTĐ CS BK CT UBND	CSTĐ CS	CSTĐ CS BK CT UBND	/
Võ Thị Thanh Nhân	PHT CM	CSTĐ CS BK CT UBND	CSTĐ CS	CSTĐ CS BK CT UBND	CSTĐ CS	/

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, ban lãnh đạo nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, PHT ở mức khá trở lên [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, 02 PHT đạt trình độ trung cấp lý luận chính trị, hàng năm được bồi dưỡng, tập huấn các lớp bồi dưỡng chính trị hệ và học tập quán triệt các Nghị quyết của Đảng theo quy định, được GV-NV trong trường tín nhiệm [H2-2.1-04]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-05]

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, PHT mức xuất sắc và 02 năm được đánh giá mức khá trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở GDMN, năm học 2020-2021 chưa được đánh giá [H2-2.1-02]; [H2-2.1-05]

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ Cán bộ quản lý có trình độ Đại học sư phạm mầm non, đã được đào tạo, bồi dưỡng qua các lớp nghiệp vụ, chuyên viên, được GV-NV trong trường tín nhiệm. Từ năm học 2016-2017 đến năm 2017-2018 đều được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, PHT ở mức xuất sắc. Từ năm học 2018-2019 Hiệu trưởng và 02 PHT được đánh giá ở mức khá, năm học 2019-2020 Hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt, 02 PHT được đánh giá ở mức khá theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm yếu:

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo từng CBQL tiếp tục phát huy những điểm mạnh để áp dụng vào thực hiện nhiệm vụ mà cấp trên đã giao. Hiệu trưởng, PHT phấn đấu đạt loại tốt theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ GD&ĐT. Gương mẫu đi đầu trong các hoạt động của nhà trường; có phẩm chất đạo đức tốt, quan tâm gần gũi với trẻ, có uy tín được CB, GV, NV, CMTE tín nhiệm.

1. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định.*
- 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định*

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập. Nhà trường hiện có 20 GV, trong đó có 06 GV/nhóm 25-36th và có 14 GV Mẫu giáo gồm 04 GV/ 2 lớp Mầm, 04 GV/ 2 lớp Chồi, 06 GV/03 lớp Lá, đảm bảo phân công nhiệm vụ phù hợp đầu năm học [H2-2.1-01];[H1-1.7-02];[H2-2.2-01]

Đội ngũ GV của nhà trường đều đạt chuẩn trở lên về trình độ chuyên môn đúng theo quy định, đạt tỷ lệ 89,47% [H2-2.1-01]; [H2-2.2-01]

BẢNG TỔNG HỢP TRÌNH ĐỘ GIÁO VIÊN

STT	Năm học	Tổng số GV	THSPMN		CĐSPMN		ĐHSPMN		GHI CHÚ
			Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	
1	2016-2017	22	03	13,64%	09	40,91%	10	45,45%	
2	2017-2018	24	04	16,66%	10	41,67%	10	41,67%	
3	2018-2019	21	02	9,53%	07	33,33%	12	57,14%	
4	2019-2020	20	02	10%	06	30%	12	60%	Có 08 GV đang học lớp ĐHSPMN
5	2020-2021	20	02	10%	06	30%	12	60%	

Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên theo công văn số 1700/BGDĐT và thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ban hành Quy định Chuẩn nghề nghiệp GVMN [H2-2.2-02]

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON

Năm học	Tổng số giáo viên	Xuất sắc (tốt)		Khá		Trung bình (Đạt)		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
2016-2017	21	6	28,57%	7	33,33%	8	38,10%	
2017-2018	21	3	15%	10	50%	7	35%	
2018-2019	20	/	/	10	50%	10	50%	
2019-2020	20	/	/	15	75%	5	25%	
2020-2021	/	/	/	/	/	/	/	

Mức 2:

Tính đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có trên 57,89% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo; trong 05 năm liên tục tính đến thời điểm hiện tại đánh giá tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.1-01]; [H2-2.2-01], hiện tại có 08 giáo viên đang tham gia lớp học nâng chuẩn trình độ đại học, trong đó có 02 GV trình độ Trung học sư phạm đang tham gia học lớp ĐHSPMN, 01 cô tốt nghiệp vào năm 2022, 01 cô tốt nghiệp vào năm 2023 [H1-1.7-05].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trong đó có một năm 2016-2017 nhà trường có trên 20% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức xuất sắc, trên 70% giáo viên đạt ở mức khá, trên 15% đạt ở mức trung bình. Năm 2017-2018 nhà trường có 15% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức xuất sắc, 50% giáo viên đạt ở mức khá và 35% đạt ở mức trung bình. Năm 2018-2019 nhà trường có 80% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, có 15% đạt mức khá và không có giáo viên đạt mức tốt. Năm 2019 – 2020 nhà trường có 05 giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt, có 15 giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức khá và không có giáo viên đạt mức tốt [H2-2.2-02]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-08]; [H1-1.2-09].

Mức 3:

Tỷ lệ giáo viên của nhà trường đạt chuẩn trình độ chuyên môn 89,47% trong đó đạt trên chuẩn trình độ đào tạo là 57,89% đây là một trong những lợi thế lớn đã góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của trường. Bên cạnh đó, nhà trường cũng tạo điều kiện cho 08 GV tham gia học lớp nâng chuẩn trình độ đại học. Hiện tại đang có 06 GV trình độ Cao đẳng và 02 GV trình độ Trung cấp tham gia lớp Đại học mầm non [H2-2.2-02];[H1-1.7-05]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trong đó có một năm 2016-2017 nhà trường có trên 20% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức xuất sắc, trên 70% giáo viên đạt ở mức khá, trên 15% đạt ở mức trung bình. Năm 2017-2018 nhà trường có 15% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức xuất sắc, 50% giáo viên đạt ở mức khá và 35% đạt ở mức trung bình. Năm 2018-2019 nhà trường có 80% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, có 15% đạt mức khá và không có giáo viên đạt mức tốt. Năm 2019 – 2020 nhà trường có 05 giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt, có 15 giáo viên đạt mức khá và không có giáo viên đạt mức tốt [H2-2.2-02]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định, có bảng phân công chuyên môn cho từng giáo viên ở các lớp; có trên 57,89% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo; trong 05 năm liên tục tính đến thời điểm tự đánh giá tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp, có danh sách cụ thể. Trong 05 năm liên

tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, thể hiện trong các báo cáo của ban Thanh tra nhân dân.

3. Điểm yếu:

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho các giáo viên đang tham gia học lớp Đại học sư phạm Mầm non yên tâm học tập nâng cao trình độ để các năm học tiếp theo tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đạt 100%.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực.*
- c) Hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

Mức 2

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/03/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Từ ngày 01/8/2020 trường đã có một biên chế y tế mới trình độ trung cấp, thực hiện

công việc theo dõi sức khỏe trẻ trong toàn trường [H2-2.1-01]; [H2-2.2-01];[H1-1.7-02].

Nhân viên của nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người, có 01 nhân viên kế toán; 01 nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư; 02 bảo vệ; 02 tạp vụ và 04 nhân viên cấp dưỡng; đội ngũ nhân viên của nhà trường có trình độ đáp ứng được yêu cầu của từng vị trí việc làm; từ 01/8/2020 nhà trường có một biên chế y tế mới thay nhân viên y tế đã nghỉ việc [H2-2.2-01];[H1-1.7-02].

Nhân viên của nhà trường hoàn thành nhiệm vụ được giao, tất cả luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, luôn có tính kỷ luật và phối hợp tốt với các bộ phận để công việc hoàn thành tốt và kịp tiến độ [H2-2.3-01].

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDDT- BNV ngày 16/3/2015 Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H2-2.2-01];[H1-1.7-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, nhân viên của nhà trường thực hiện công việc có tính kỷ luật cao [H1-1.2-09].

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, nhân viên kế toán có bằng đại học, thủ quỹ, văn thư có bằng tốt nghiệp phổ thông, tuy nhiên không có bằng chuyên môn nghiệp vụ theo quy định, nhân viên y tế có trình độ chuyên môn bậc trung cấp đủ điều kiện để thực hiện công việc theo dõi sức khỏe trẻ em trong toàn trường, có 02 nhân viên bảo vệ, trong đó có 01 bảo vệ có bằng trung cấp tin học ứng dụng, được tham gia tập huấn kiến thức phòng cháy chữa cháy và nghiệp vụ bảo vệ. Đối với nhân viên cấp dưỡng có giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về VSATTP, đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H2-2.3-02];[H2-2.3-03]

Hàng năm, các nhân viên của nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm. [H2-2.3-02];[H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định, có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm; Đối với nhân viên nấu ăn có giấy chứng nhận tập huấn kiến thức

về VSATTP, đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Nhà trường có liên hệ với Trung tâm y tế quận Ninh Kiều để tạo điều kiện tốt nhất cho các nhân viên cấp dưỡng dự các lớp tập huấn về VSATTP theo định kỳ và có giấy chứng nhận sau mỗi khóa học

3. Điểm yếu:

Nhân viên thủ quỹ, văn thư không có bằng chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tạo điều kiện cho nhân viên thủ quỹ, văn thư tự học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng tốt công việc theo vị trí việc làm được phân công (nếu ngành có tổ chức lớp bồi dưỡng).

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 2: Hiệu trưởng và PHT nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có uy tín về phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có lối sống trong sáng, lành mạnh, trung thực, nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ. Có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường và có đủ sức khỏe đáp ứng công việc được đánh giá chuẩn hiệu trưởng, PHT từ mức khá trở lên; hiệu trưởng, PHT được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm qua kết quả lấy ý kiến tín nhiệm hàng năm. Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định, có bảng phân công chuyên môn cho từng giáo viên ở các lớp; có trên 57,89% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo; trong 05 năm liên tục tính đến thời điểm hiện tại đánh giá tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp, có danh sách cụ thể. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, thể hiện trong báo cáo tổng kết của nhà trường. Có đủ số lượng nhân viên theo quy định, có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm; Đối với nhân viên nấu ăn có giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về VSATTP, đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trong những năm qua, nhà trường tiến hành sửa chữa, bổ sung CSVC đảm bảo cảnh quang môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn. Nhà trường có các phòng lớp kiên cố. Khuôn viên nhà trường, sân và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo an toàn. Các phòng học, phòng sinh hoạt chung, bếp ăn đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường

mầm non. Nhà trường có đầy đủ các thiết bị ĐDDC cho trẻ hoạt động. Các phòng làm việc được trang bị máy và nối mạng Internet thuận lợi cho việc quản lý và giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định.*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ.*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định.*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập.*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Thực Hành có tổng diện tích mặt bằng: 1562,958 m²; diện tích xây dựng: 792,691 m². Có quyết định chuyển giao về Trường CDCT số 994/QĐ – UBND ngày 25/4/2012 tại địa chỉ số 413, đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; diện tích đất bình quân/trẻ: 2.21 m² (quy định: 1,50m² /trẻ), các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. [H3-3.1-01];[H3-3.1-02].

Trường có cổng, có biển tên trường, có tường rào bao quanh chắc chắn, khuôn viên đảm bảo sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]

Sân chơi chung của trường quy hoạch phù hợp với trẻ, được chia khu vực và có đủ điều kiện cho trẻ hoạt động, lớp có hiên chơi, có hành lang. Sân trường có cây xanh nhưng ít và nhỏ chưa tạo được bóng mát cho trẻ, tuy nhiên có nhiều loại hoa kiểng đảm bảo an toàn cho trẻ, trẻ dễ dàng tiếp cận, chăm sóc [H3-3.1-04]

Mức 2:

Trường Mầm non Thực Hành có tổng diện xây dựng công trình và diện tích sân vườn là 1562,958 m², các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-02];[Minh chứng thực tế].

Khuôn viên trường có tường rào bao quanh, cây xanh trong sân trường được cắt tỉa thường xuyên, chăm sóc mỗi ngày, trường có vườn hoa kiểng, nhà trường có vườn rau của các lớp tự trồng, trẻ tự chăm sóc và thu hoạch chế biến thức ăn, tạo điều kiện giúp trẻ khám phá, học tập, vui chơi và có thêm kỹ năng sống, giúp trẻ có ý thức bảo vệ môi trường [H3-3.1-02];[H3-3.1-04]; [Minh chứng thực tế].

Khu vực trẻ chơi ngoài trời của trường đảm bảo an toàn cho trẻ vui chơi. Số lượng đồ chơi ngoài trời trên 07 loại theo Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012 Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non. Tuy nhiên, một vài đồ chơi ngoài trời của trẻ lâu năm, xuống cấp [H1-1.6-05]; [H3-3.1-05];[Minh chứng thực tế].

Mức 3:

Sân vườn không có khu vực riêng để tổ chức cho trẻ thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Tuy nhiên, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, không có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài trời ngoài Danh mục. [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có nhiều hoa, kiểng, vườn rau của các lớp tự trồng trẻ tự chăm sóc và thu hoạch chế biến thức ăn.

3. Điểm yếu

Sân vườn không có khu vực riêng để tổ chức cho trẻ thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Ít cây xanh che bóng mát.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sân vườn, khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động của trẻ sử dụng sân trường cũ đối diện với trường kinh phí thực hiện vận động nguồn xã hội hóa từ phía CMTE.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi.

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng số 09 phòng/09 nhóm, lớp được chia theo độ tuổi như sau: 02 nhóm 25 - 36th, 02 lớp Mầm, 02 lớp Chồi, 03 lớp Lá [H3-3.1-02]; [H1-1.5-03]

Trường có phòng ngủ riêng dành cho trẻ tuy nhiên diện tích chưa đạt ($0,90\text{m}^2/\text{trẻ}$) so với qui định ($1,20\text{m}^2/\text{trẻ}$), tận dụng các hiên chơi làm nơi tổ chức ăn của trẻ, trường có phòng giáo dục thể chất. Các nhóm, lớp có các góc vận động, nghệ thuật đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Các phòng học đều có hệ thống đèn, hệ thống quạt, có tủ để dụng cụ cho trẻ và thiết bị dạy học, đủ bàn ghế đúng quy cách cho trẻ, đủ đồ dùng, thiết bị theo Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 của Bộ GD&ĐT Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.4-06]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

Nhà trường có các phòng ngủ riêng, có phòng giáo dục thể chất đạt chuẩn theo quy định, tuy nhiên không có phòng giáo dục nghệ thuật [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01]

Trường có hệ thống tủ đựng dụng cụ cá nhân, tủ gối của trẻ, kệ đồ chơi, kệ sách, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng. [H1-1.4-06]; [H1-1.6-05].

Mức 3:

Trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

2. Điểm mạnh

Không có

3. Điểm yếu

Trường có phòng ngủ riêng nhưng chưa đạt chuẩn, chưa có phòng nghệ thuật và phòng đa chức năng cho trẻ hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, nhà trường tiến hành tuyển sinh phù hợp để giảm số lượng mỗi trẻ của mỗi lớp để đảm bảo diện tích $1,50\text{m}^2/\text{trẻ}$ em cho phòng sinh hoạt chung và $1,20\text{m}^2/\text{trẻ}$ em cho phòng ngủ qui định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định.*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng.*
- c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định.*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các loại phòng theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 tổng cộng 11 phòng: 01 Phòng Hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng giáo viên, 01 phòng thể chất, 01 phòng họp, 01 phòng y tế, 01 phòng hành chính quản trị, 01 văn phòng, 01 hội trường, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng nhân viên, có 03 khu vệ sinh cho CB - GV - NV (9,6m²/khu) đảm bảo yêu cầu thuận tiện cho sử dụng [H3-3.1-02]; [H3-3.3-01].

Các phòng làm việc đều có trang bị phương tiện như: máy vi tính để bàn, có bàn, ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ, quạt..., phòng Hiệu trưởng có trang bị laptop, máy lạnh, riêng phòng y tế có các trang thiết bị y tế, giường bệnh, máy đo huyết áp, ống nghe, nhiệt kế, ben, kéo và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, bảng theo dõi sức khỏe của trẻ cũng như các phác đồ xử lý khi trẻ sự cố về sốt, té ngã, hóc sặc, phòng bảo vệ có đồng hồ, sổ theo dõi khách đến liên hệ công tác]; [H1-1.6-05]; [H1-1.4-06]; [H3-3.3-01].

Nhà trường có khu để xe đảm bảo đủ cho 100% CB-GV-NV của trường an toàn, trật tự diện tích 81,8 m². [H3-3.3-02].

Mức 2:

Văn phòng trường diện tích 34,9m² (qui định 30m²), phòng Hiệu trưởng, diện tích 34,9m² (qui định 30 m²) đảm bảo diện tích theo quy định, phòng hành chính quản trị diện tích 20m², (qui định không nhỏ hơn 15m²), phòng Phó hiệu trưởng diện tích 20m² (qui định 12-15m²), phòng y tế 20m², phòng bảo vệ diện tích là 9m², phòng dành cho nhân viên, sử dụng chung phòng với giáo viên diện tích 20m² theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. [H3-3.1-02].

Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi diện tích 81,8m². [H3-3.1-02]; [H3-3.3-02].

Mức 3:

Trường chưa đủ các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-02]; [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Không có

3. Điểm yếu

Trường chưa đủ các phòng đảm bảo theo tiêu chuẩn Quốc gia như: chưa có phòng nghệ thuật, phòng đa chức năng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Đề xuất trong thời gian trường cũ chưa trả cho tiểu học sẽ sử dụng 02 phòng làm phòng nghệ thuật và phòng đa chức năng, nguồn kinh phí vận động xã hội hóa từ Cha mẹ trẻ em.

5. Tự đánh giá: Đạt mức

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố.*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Bếp ăn được xây dựng kiên cố. [H3-3.1-02]; [H3-3.4-01].

Trường có kho chứa thực phẩm riêng được sắp xếp ngăn nắp và riêng biệt, tiện lợi cho việc nhập, xuất kho hàng ngày và đảm bảo VSATTP. [H3-3.4 -02]; [H3-3.4-03]

Trường có tủ lạnh, tủ lưu mẫu thức ăn, thực hiện tốt việc lưu mẫu 3 bước và hủy mẫu thức ăn hàng ngày theo quy định.[H3-3.4-04];[H3-3.4-05]; [Minh chứng thực tế].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non - Văn bản hợp nhất số: 04/VBHN-BGDĐT, ngày 24 tháng 12 năm 2015; bếp ăn có diện tích 92.93m² đảm bảo (*Theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non*) 0,32 m² (quy định 0,3 m² cho một trẻ em) Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [H3-3.1-02]. Có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm của trẻ em ăn bán trú, có đủ nước sử dụng, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định; Đảm bảo việc xử lý các chất thải đúng quy định; đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ.[H1-1.6-05]; [H3-3.4-05]; [H3-3.4-06]; [H3-3.4-07]; [H3-3.4-08].

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Được xây dựng theo quy trình vận hành một chiều, có nơi chia thức ăn và trang bị đồ dùng phục vụ, đồ dùng nhà bếp đầy đủ. Có đủ nước sử dụng trong chế biến, phục vụ nước chín cho trẻ. Đảm bảo vệ sinh và được sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện khi sử dụng. Kho thực phẩm có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ mát lưu mẫu thức ăn đúng theo quy định [H3-3.1-02]; [H1-1.6-05]; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn của nhà trường có tủ lạnh và tủ lưu mẫu riêng biệt.

3. Điểm yếu

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 Nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh và có kế hoạch sử dụng, bảo trì cơ sở vật chất đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có tổng số 09 nhóm, lớp. Các nhóm, lớp có thiết bị, đồ chơi quy định theo Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 tháng 2017 của Bộ GD&ĐT [H1-1.6-05]; [H1-1.4-06]. Tuy nhiên chưa đầy đủ theo quy định [H3-3.5-01].

Nhà trường có các thiết bị, ĐDDC ngoài danh mục giáo viên tự làm, trường tự mua đảm bảo tính giáo dục, an toàn và phù hợp với trẻ. [H1-1.5-03];[H3-3.5-02].

Hàng năm, nhà trường có KH bảo quản, cải tạo sửa chữa CSVN, thay thế, bổ sung đồ dùng, thiết bị mới phù hợp với tình hình của nhà trường và các nhóm, lớp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho GV và trẻ như: thay một số quạt máy, thay vòi nước, ổ khóa các nhóm, lớp, thay cửa nhà vệ sinh, thay mới hệ thống đường dây điện, lát gạch nền hành lang và lớp, ốp gạch... Nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản 03 lần/năm theo quy định [H1-1.6-05]; [H1-1.4-06]; [H3-3.5-02].

Mức 2:

Hệ thống các máy tính của các bộ phận và giáo viên được kết nối Internet đảm bảo cho công tác quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ [H3-3.5-03]; [H3-3.5-04].

Các nhóm lớp chưa đầy đủ thiết bị, ĐDDC theo quy định ở Điều lệ trường mầm non, tuy nhiên trường có bổ sung đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục được khai thác và sử dụng hiệu quả giáo dục trẻ tại trường.[H1-1.4-06]; [H3-3.5-02].

Hàng năm, nhà trường có trang bị thêm các thiết bị, ĐDDC ngoài danh mục được trang bị từ nguồn vận động xã hội hóa, giáo viên và trẻ cùng làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn và phù hợp với trẻ [H1-1.5-03]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp GD, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ. Tuy nhiên, đa số GV khi tạo ĐDDC, tạo môi trường hoạt động cho trẻ chưa chủ động tạo cơ hội cho trẻ cùng được tạo ra những sản phẩm phù hợp với từng độ tuổi, phù hợp với trẻ tại mỗi nhóm, lớp nên chưa đạt hiệu quả cao [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp GD, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ. Tuy nhiên, một vài GV khi tạo ĐDDC, tạo môi trường hoạt động cho trẻ chưa chủ động tạo cơ hội cho trẻ cùng được tạo ra những sản phẩm phù hợp với từng độ tuổi, phù hợp với trẻ tại mỗi nhóm, lớp nên chưa đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Một vài GV khi tạo ĐDDC, tạo môi trường hoạt động cho trẻ chưa chủ động tạo cơ hội cho trẻ cùng được tạo ra những sản phẩm phù hợp với từng độ tuổi, phù hợp với trẻ tại mỗi nhóm, lớp nên chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, BLĐ nhà trường đưa việc tạo môi trường lớp, làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo vào tiêu chí thi đua giữa các lớp. Thúc đẩy GV tăng cường làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ các chủ đề GD đáp ứng nhu cầu hoạt động cho trẻ. GV tranh thủ sự hỗ trợ của các bậc Cha mẹ trẻ em về nguyên vật liệu đã qua sử dụng để GV làm ĐDDC tự tạo mang tính gợi mở để phát huy tính tích cực của trẻ trong các giờ hoạt động vui chơi, học tập phù hợp với trẻ tại mỗi nhóm, lớp. Bổ sung các nguyên vật liệu tạo điều kiện để cô và trẻ cùng làm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 12 khu nhà vệ sinh, trong đó có 09 nhà vệ sinh được xây dựng khép kín trong nhóm-lớp, phân chia nơi bé trai, bé gái riêng biệt, thuận tiện cho trẻ sử dụng, có đủ nước sạch, các dụng cụ, thiết bị phục vụ vệ sinh có kích thước phù hợp và

an toàn cho trẻ và có 02 khu nhà vệ sinh dành cho CBQL, GV, NV; 01 khu vệ sinh đầy bếp trường có đủ nước sử dụng, có bộ rửa tay trong sân trường; trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H3-3.1.02].

Có hệ thống thoát nước chung với trường Cao đẳng Cần Thơ. Trường sử dụng nguồn nước máy theo hợp đồng với Công ty cấp thoát nước Quận Ninh Kiều, đảm bảo đầy đủ cho sinh hoạt của trẻ và CB - GV - NV, hệ thống nước máy đã được kiểm nghiệm nguồn nước và có giấy chứng nhận nguồn nước sạch của Trung tâm Y tế dự phòng Quận Ninh Kiều [H3-3.4-07];[H3-3.6-01].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường chung với Trường Cao đẳng Cần Thơ, có thùng đựng và phân loại rác được thu gom hằng ngày và được chuyển tới nơi tập trung xử lý. Không để rác thải, tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-02].

Mức 2:

Nhà trường có 09 nhóm lớp và có 09 phòng vệ sinh, có 03 phòng vệ sinh cho CB - GV - NV đảm bảo thuận tiện cho việc sử dụng. Các phòng vệ sinh của trẻ 14.43m² (quy định 0,4 - 0,6 m²/ trẻ em); 03 phòng vệ sinh của giáo viên với diện tích 9.6m² đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

Nhà trường có hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT -BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học [H3-3.4-07];[H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Diện tích phòng vệ sinh của trẻ và khu vệ sinh của CB-GV-NV lớn hơn so quy định.

3. Điểm yếu

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh và có KH sử dụng, bảo trì CSVC đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 3: Trường Mầm non Thực Hành có diện tích sân chơi được thiết kế phù hợp, đảm bảo an toàn và có đủ đồ chơi ngoài trời theo quy định. Các phòng sinh hoạt chung, bếp ăn, phòng làm việc được trang bị đầy đủ CSVS. Nhà trường thường xuyên tiến hành kiểm tra, kiểm kê tài sản hàng năm và xây dựng kế hoạch sửa chữa, mua sắm phù hợp. Tuy nhiên chưa có phòng đa chức năng, sân chơi của trẻ chưa có khu cho trẻ trải nghiệm, khám phá.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường có BDD CMTE của trường và các lớp hoạt động theo đúng quy định; luôn chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ, phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: lễ hội đến trường của bé, bé vui đón tết, lễ giỗ Quốc tổ Hùng Vương, lễ 30/4. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng nhà trường ngày càng khang trang.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

BĐD CMTE được thành lập và hoạt động theo qui định tại điều lệ BĐD cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGĐT ngày 22/11/2011). BĐD CMTE của mỗi nhóm lớp gồm 01 trưởng ban và 01 phó ban, sau đó trường tổ chức Hội nghị BĐD CMTE cả trường và bầu ra Ban Thường trực gồm 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 ủy viên thường trực [H4-4.1-01];

Ban thường trực CMTE có kế hoạch hoạt động theo từng năm học được xây dựng dựa trên kế hoạch hoạt động của nhà trường và hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ BĐD cha mẹ học sinh. Ban thường trực hội CMTE của trường hoạt động năng nổ, nhiệt tình và có trách nhiệm [H4-4.1-02];

Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho BĐD CMTE thực hiện nhiệm vụ theo điều lệ và cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học, các kế hoạch hoạt động đúng tiến độ [H4-4.1-03];[H4-4.1-04];[H1-1.2-09]

Mức 2

Định kỳ lãnh đạo nhà trường trực tiếp họp với BĐD CMTE để trao đổi, chia sẻ, tiếp thu ý kiến về công tác quản lý nhà trường, các biện pháp giáo dục trẻ, giải quyết các kiến nghị của CMTE và góp ý kiến cho các hoạt động của BĐD CMTE. Từ đó, tổ chức các cuộc họp với CMTE tại lớp nhằm triển khai các nội dung đã thông qua với BĐD và hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đến với cha mẹ trẻ. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng có thành viên trong BĐD CMTE chưa tham dự đầy đủ các buổi họp định kỳ cùng lãnh đạo nhà trường nên chưa thật sự phát huy hết chức năng, nhiệm vụ của mình [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03] ; [H4-4.1-05]

Mức 3:

Phối hợp với lãnh đạo nhà trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ của BĐD CMTE theo Nghị quyết của cuộc họp đầu năm, trao đổi trực tiếp với ban lãnh đạo nhà trường những vấn đề bất cập của lớp, của trường trên tinh thần xây dựng cùng tìm giải pháp giải quyết vì mục tiêu chung trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-03]; [H4-4.1-06]; [H1-1.2-09]

2. Điểm mạnh

BĐD CMTE được thành lập và hoạt động theo qui định tại điều lệ BĐD cha mẹ học sinh, ban thường trực CMTE có kế hoạch hoạt động theo từng năm học được xây dựng dựa trên kế hoạch hoạt động của nhà trường. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho BĐD CMTE thực hiện nhiệm vụ theo điều lệ và cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học, các kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

3. Điểm yếu

Vẫn có thành viên trong BDD CMTE chưa tham dự đầy đủ các buổi họp định kỳ cùng lãnh đạo nhà trường nên chưa thật sự phát huy hết chức năng, nhiệm vụ của mình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy hoạt động của BDD CMTE trong năm học tới, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn để BDD CMTE có thể tham dự đầy đủ các buổi họp định kỳ cùng lãnh đạo nhà trường để phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng và lãnh đạo Trường Cao đẳng Cần Thơ, chính quyền địa phương một số nội dung như ban hành chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, kế hoạch về công tác tuyển sinh, huy động trẻ trong địa bàn ra lớp đạt chỉ tiêu [H1-1.1-06]; [H1-1.2-07].

Nhà trường có tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ; Tuyên truyền qua loa phát thanh của nhà trường; Qua trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em; Qua zalo của các nhóm lớp... Tuy nhiên, một số phụ huynh chưa có sự phối hợp nhịp nhàng với nhà trường và giáo viên lớp nên không nắm bắt kịp thời các thông tin của nhà trường [H4-4.1-03];[H4-4.2-01].

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương để thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục bằng nhiều hình thức, thông qua BDD CMTE, phụ huynh lớp và các nguồn lực khác nhằm xây dựng CSVC hỗ trợ cho các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ của trường [H1-1.6-10].

Mức 2:

Lãnh đạo nhà trường có kế hoạch tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường [H1-1.1-01].

Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: lễ hội đền trường của bé, bé vui đón tết, lễ giỗ Quốc tổ Hùng Vương, lễ 30/4, tham qua trường tiểu học cho trẻ 5 tuổi... [H4-4.2-02];[H4-4.2-03];[H4-4.2-04].

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Tuy nhiên, chưa thực hiện được vì cơ sở vật chất của nhà trường chưa đảm bảo và chưa có hội trường sinh hoạt để thực hiện có hiệu quả như trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng và lãnh đạo Trường Cao đẳng Cần Thơ, chính quyền địa phương một số nội dung như ban hành chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh chưa có sự phối hợp nhịp nhàng với nhà trường và giáo viên lớp nên không nắm bắt kịp thời các thông tin của nhà trường.

Chưa thực hiện xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương được vì cơ sở vật chất của nhà trường chưa đảm bảo và chưa có hội trường sinh hoạt để thực hiện có hiệu quả như trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng và lãnh đạo Trường Cao đẳng Cần Thơ, chính quyền địa phương. Đồng thời nâng cao nhận thức của phụ huynh trong việc phối hợp chặt chẽ nhịp nhàng với giáo viên và nhà trường để nắm bắt kịp thời các thông tin của nhà trường. Bên cạnh đó, tiếp tục đề xuất để xây dựng trường mới kịp tiến độ nhằm đảm bảo đầy đủ yêu cầu để nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4: Nhà trường có đầy đủ các thành phần Ban đại diện CMTE của lớp, của trường, Ban đại diện CMTE hoạt động theo đúng quy định. Nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục với CMTE đã góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuy nhiên còn một số phụ huynh chưa có sự phối hợp nhịp nhàng với nhà trường và giáo viên lớp nên không nắm bắt kịp thời các thông tin của nhà trường và chưa thực hiện xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Năm học 2020-2021 Trường Mầm non Thực Hành có tổng số trẻ 294 trẻ, trong đó có 245 trẻ mẫu giáo. 100% trẻ học bán trú và được học chương trình GDMN do Bộ

GD&ĐT ban hành. Nhà trường luôn xác định công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo nhà trường chủ động xác định các nhiệm vụ theo định hướng tập trung các điều kiện đảm bảo chất lượng hiệu quả tốt nhất và để nâng cao uy tín của nhà trường đối với CMHS, các cấp lãnh đạo địa phương và trong ngành GD, từng cá nhân, từng bộ phận trong tập thể nhà trường không ngừng học tập nâng cao trình độ về mọi mặt. Luôn đảm bảo 100% số trẻ đến trường được an toàn về thể chất tinh thần, được phát triển bình thường khỏe mạnh theo độ tuổi. Kết quả chăm sóc trẻ được GV phụ trách các nhóm, lớp đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Mức 1:

a/ Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b/ Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp qui định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c/ Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a/ Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b/ Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a/ Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng qui định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;

b/ Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT, trang bị tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình, tập huấn, hỗ trợ giáo viên tổ chức thực hiện tốt Chương trình GDMN. Căn cứ vào KH năm học của nhà trường [H1-1.1-06], PHT chuyên môn cùng với các tổ trưởng chuyên môn xây dựng KHGD từng độ tuổi phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.8-01]. Tiến hành phổ biến kế hoạch theo độ tuổi đến từng lớp để giáo viên làm cơ sở xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân và kế hoạch năm học của nhóm lớp được cấp trên phê duyệt. Tổ chức thực hiện CTGDMN theo kế hoạch; dựa vào cơ sở vật chất, nguồn lực, khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.5-03]; [H1-1.8 -02].

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN theo hướng phù hợp với qui định về chuyên môn theo quan điểm tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục "Lấy trẻ làm trung tâm", nâng cao chất lượng Chương trình GDMN; đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị, tạo cơ hội cho trẻ tích cực tham gia các hoạt động khám phá, trải nghiệm và sáng tạo. Căn cứ KHGD của nhà trường, tất cả các GV nhóm, lớp đều lên KH giáo dục năm, tháng, tuần, ngày được phê duyệt của tổ trưởng và PHT chuyên môn [H1-1.8 -02]. Tuy nhiên, còn một số ít giáo viên hạn chế trong việc tìm hiểu khả năng, nhu cầu của trẻ để thực hiện lập kế hoạch phù hợp và tổ chức các hoạt động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

Nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá thường xuyên các mục tiêu GD hằng ngày, từng tháng/chủ đề, cuối độ tuổi để có sự điều chỉnh kế hoạch kịp thời phù hợp với nhu cầu, năng lực của trẻ [H1-1.8 -02]; [H1-1.8 -03]; Ban lãnh đạo nhà trường định kỳ tổ chức sinh hoạt chuyên môn, thao giảng, dự giờ rút kinh nghiệm chung trong tập thể giáo viên. [H1-1.8 -04]

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện CTGDMN do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành đảm bảo chất lượng, thường xuyên tổ chức tốt các hoạt động học, hoạt động vui chơi theo KH hoạt động trong ngày và chăm sóc nuôi dưỡng trẻ tại trường. Tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, tạo mọi điều kiện cho trẻ tham gia hoạt động học, vui chơi theo hướng phát huy tính tích cực, học bằng hình thức trải nghiệm. [H1-1.8 -02].

Nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, phù hợp với vị trí địa lý, khí hậu, phong tục tập quán, danh lam thắng

cảnh, di tích lịch sử, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Thường xuyên lồng ghép các nội dung giáo dục trẻ về ý nghĩa của các ngày hội lễ, các truyền thống của dân tộc và của địa phương vào KHGD trẻ. [H1-1.8 -01]; [H1-1.8 -02].

Mức 3:

Đội ngũ CBQL, GV cốt cán của nhà trường được tham dự các lớp tập huấn chuyên môn do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT quận Ninh Kiều tổ chức, được tiếp cận với các quan điểm, phương pháp GD như: chăm sóc sức khỏe cho trẻ, hướng dẫn xây dựng KHGD thực hiện CTGDMN... [H2-2.1 -04]. Trên cơ sở đó nhà trường xây dựng và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương [H1-1.8-01]. Tuy nhiên một số GV mới còn hạn chế về chuyên môn nên áp dụng phương pháp vào CTGDMN chưa tích cực chưa đạt hiệu quả cao.

Hằng năm, nhà trường có tổng kết, đánh giá việc thực hiện CTGDMN, điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp GD nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ cho năm học tiếp theo [H1-1.8 -03]. Qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thao giảng, nhà trường có nhận xét, đánh giá và có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp với năng lực của trẻ [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có thực hiện và phát triển Chương trình mầm non theo Bộ giáo dục ban hành đúng theo kế hoạch phù hợp với quy định và với điều kiện nhà trường. Xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ dựa trên khả năng, nhu cầu của trẻ, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, văn hóa ở địa phương. Định kỳ kiểm tra đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

3. Điểm yếu:

Còn một vài giáo viên hạn chế việc tìm hiểu khả năng, nhu cầu của trẻ để thực hiện lập kế hoạch phù hợp và tổ chức các hoạt động cho trẻ theo quan điểm GD “Lấy trẻ làm trung tâm”. Chưa mạnh dạn áp dụng phương pháp dạy mới vào các hoạt động của trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tăng cường bồi dưỡng giúp giáo viên tìm hiểu nghiên cứu thêm tài liệu tâm sinh lý trẻ để hiểu rõ đặc điểm khả

năng, nhu cầu của trẻ để xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động phù hợp lứa tuổi, vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học mới vào các hoạt động của trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Mức 1:

a/ Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường.

b/ Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm.

c/ Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường xây dựng KHGD phù hợp với điều kiện sẵn có của địa phương [H1-1.8-01], GV xây dựng KH năm, tháng, tuần, ngày đảm bảo các mục tiêu, nội dung GD từng độ tuổi, phù hợp điều kiện thực tế tại đơn vị. Trong quá trình tổ chức Ban lãnh đạo nhà trường thường xuyên hướng dẫn và chỉ đạo giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy vai trò của trẻ trong quá trình giáo dục vừa đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Giáo viên tổ chức các hoạt động theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, trẻ được học bằng hình thức vui chơi, khám phá, trải nghiệm. Song song đó, việc tổ chức các hoạt động cho trẻ còn dựa vào điều kiện thực tế của nhà trường về môi trường học tập, CSVC...tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ học tập và vui chơi. [H1-1.8-02]

Nhà trường tổ chức môi trường trong và ngoài lớp theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm hiệu quả tạo điều kiện cho trẻ vui chơi trải nghiệm để tiếp thu kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm sống. [H5-5.2-01]; [Minh chứng thực tế]

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề và các sự kiện trong năm bằng nhiều hình thức đa dạng như lồng ghép các trò chơi vào các tiết học giúp trẻ học thông qua hình thức vui chơi, các ngày hội ngày lễ, các hội thi... phù hợp với độ tuổi của trẻ em và điều kiện thực tế. Tổ chức cho trẻ tham quan Thành đội Cần Thơ, Tiểu học Thực Hành [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03] [H4-4.2-04]. Hầu hết giáo viên linh hoạt tổ chức các hoạt động giáo dục sử dụng, phối hợp có hiệu quả các phương pháp giáo dục, bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ, phát huy tính chủ động, tích cực hoạt động tư duy của trẻ. Tuy nhiên một vài giáo viên do mới vào nghề nên thiếu linh hoạt và sáng tạo. [H1-1.8-02]

Mức 2:

Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh như làm bánh in, pha chế nước giải khát, lật rau, sơ chế và chế biến rau, làm chè ỉ, hoành thánh, cắm hoa, xếp đĩa trái cây, cuộn shushi, trồng rau....chơi ở các gian hàng: bán rau củ, trái cây, bánh các loại phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. [H1-1.8-01] ;[H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Nhà trường đã có những biện pháp tích cực tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu, học liệu có giá đựng ngăn nắp, gọn gàng, để ở nơi trẻ dễ thấy, dễ lấy, dễ dùng, dễ cất, được thay đổi và bổ sung phù hợp với mục tiêu chủ đề và hứng thú của trẻ; Có nguyên vật liệu mang tính mở: lá cây, hạt hạt...; Có sản phẩm mua sẵn, sản phẩm cô và trẻ tự làm...; Mỗi góc, khu vực hoạt động ngoài lớp học có nhiều loại học liệu, đồ chơi và phương tiện, có loại đặc trưng cho từng khu vực, được sắp xếp thuận tiện để lấy tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động, đáp ứng nhu cầu chơi của trẻ. GV trong trường luôn tạo cơ hội cho trẻ, tạo cho trẻ những sân chơi trí tuệ bổ ích mà thông qua đó tất cả trẻ đều nắm bắt và lĩnh hội được kiến thức mới và ham thích hoạt động [H5-5.2-01]. Tuy nhiên, vẫn còn một số GV chưa khai thác các nguyên vật liệu thiên nhiên phong phú cho trẻ tạo sản phẩm.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ, xây dựng môi trường giáo dục phù hợp, tổ chức các hoạt động giáo dục bằng hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi, đảm bảo mục tiêu nội dung chương trình và điều kiện nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một vài giáo viên do mới vào nghề nên việc tổ chức các hoạt động giáo dục còn thiếu linh hoạt và sáng tạo. Chưa khai thác các nguyên vật liệu thiên nhiên phong phú cho trẻ tạo sản phẩm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2021-2022, nhà trường sẽ lập kế hoạch tiếp tục bồi dưỡng cho những giáo viên mới, giúp đỡ giáo viên phát huy được năng lực, sở trường của bản thân trong công tác giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a/ Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

b/ 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo qui định.

c/ Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học

Mức 2:

a/ Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất, tinh thần của trẻ.

b/ Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo, cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c/ 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ; có xây dựng kế hoạch phối hợp với trạm y tế phường Hưng Lợi tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: Phun thuốc diệt muỗi, phòng bệnh sốt xuất huyết, phòng bệnh tay chân miệng..., khám sức khỏe, cho trẻ uống thuốc tẩy giun tại trường cho trẻ theo quy định 2 lần/năm, [H5-5.3-01].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BDGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Nhà trường có xây dựng Kế hoạch phòng chống trẻ SDD, thừa cân, béo phì [H5-5.3-03]. Thực hiện tốt công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì bằng những biện pháp phù hợp. Tổ chức cho trẻ thừa cân, béo phì tăng cường vận động và có chế độ ăn hợp lý. Đối với trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, tăng cường chế độ dinh dưỡng trong khẩu phần ăn của trẻ. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ bằng hình thức thông tin hai chiều qua các cuộc họp cha mẹ trẻ em và sổ liên lạc, sổ bé ngoan nhằm giúp trẻ cải thiện tình trạng dinh dưỡng so với đầu năm. [H5-5.3-04]; [H4-4.1-03]. Do đó, trẻ SDD, thừa cân, béo phì tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Cụ thể năm học 2020-2021

Thể lực	Đầu năm (tháng 9), ss:286		Cuối năm (tháng 3/2021), ss:293	
Cân nặng bình thường	240	83.92%	252	86.01%
SDD thể nhẹ cân	14	4.90%	7	2.39%
SDD thể nhẹ cân mức độ nặng	1	0.35%	1	0.34%
Chiều cao bình thường	277	96.85%	278	94.88%
SDD thể thấp còi	3	1.05%	0	0
SDD thể gầy còm mức độ nặng	4	1.40%	1	0.34%
SDD thể gầy còm	25	8.74%	13	4.44%

Thừa cân	24	8.39%	20	6.83%
Béo phì	21	7.34%	28	9.56%

Mức 2

Nhà trường có tư vấn cho cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất, tinh thần của trẻ thông qua các buổi họp phụ huynh, qua bảng tuyên truyền của lớp, trường và giờ đưa đón trẻ, sổ liên lạc- bé ngoan, như: chế độ ăn của trẻ, thực đơn, phòng chống dịch bệnh theo mùa, nuôi dạy con theo khoa học nhằm giúp phụ huynh nắm được tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sức khỏe của trẻ và phối hợp tốt với nhà trường trong việc chăm sóc sức khỏe của trẻ. [H4-4.1-03];[H4-4.1-04]; [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường theo qui định. Trường sử dụng phần mềm Nutikids để tính khẩu phần ăn và khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ, Sử dụng phần mềm dinh dưỡng Nutikids tính khẩu phần ăn phù hợp độ tuổi, đảm bảo nhu cầu năng lượng của trẻ tại trường đảm bảo theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT. Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa, phù hợp với thực tế của địa phương. Đảm bảo đủ năng lượng phân phối cho các bữa ăn trong ngày theo quy định, trẻ ở trường được ăn bữa sáng, trưa và ăn xế. Trường cung cấp đầy đủ nước uống hợp vệ sinh cho trẻ trong ngày.[H5-5.3-05]; [H5-5.3-06].

Nhà trường có xây dựng KH phòng chống SDD, thừa cân, béo phì, [H5-5.3-03]. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, nhờ đó mà tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học. Cụ thể năm học 2020–2021, đến cuối tháng 3/2021: Cân nặng bình thường tăng lên: 2.09%; SDD thể nhẹ cân giảm còn: 2.51%; Tỷ lệ SDD thể nhẹ cân mức độ nặng không tăng không giảm; Chiều cao bình thường tăng: 1.97%; Xóa tỉ lệ trẻ SDD thể thấp còi; Thừa cân giảm: 1,56%; Béo phì tăng: 2,22%. Một số cha mẹ trẻ chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác phòng chống béo phì cho trẻ. [H5-5.3 -05]; [H5-5.3-02]; [H4-4.1-03]; [H5-5.3-04].

Mức 3

Đầu năm học 2020-2021, tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về chiều cao là 96.85%, phát triển bình thường về cân nặng là 83.92% [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]. Tính đến thời điểm tháng 3/2021 trẻ phát triển bình thường về chiều cao là 94.88%, trẻ phát triển bình thường về cân nặng là 86.01% chưa đạt so với yêu cầu mức 3.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã đạt kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ; 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định; 100% trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp để hạn chế tốc độ tăng cân và đảm bảo sức khỏe cho trẻ thừa cân, béo phì. PHT bán trú và nhân viên y tế thường xuyên phối hợp với giáo viên các nhóm lớp tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ nên tỷ lệ suy dinh dưỡng được cải thiện.

3. Điểm yếu:

Một số cha mẹ trẻ chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác phòng chống béo phì cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì những kết quả đã đạt được, nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong công tác bán trú để tạo niềm tin cho phụ huynh. Thực hiện tốt công tác phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong việc điều chỉnh chế độ ăn, khẩu phần ăn của trẻ hàng ngày, tuần, tháng. Tăng cường công tác tuyên truyền, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm với phụ huynh về chế độ dinh dưỡng hợp lý, qua các hình thức: bảng tuyên truyền của trường, lớp; trao đổi trực tiếp; các thông tin đại chúng; tạo nhóm zalo phụ huynh có trẻ là SDD, thừa cân, béo phì để phụ huynh, nhà trường có thể trao đổi, chia sẻ về các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ qua các đường link chính thống. Tiếp tục duy trì sự phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể ở địa phương mà cụ thể là Trung tâm Y tế phường, **Trung tâm** y tế Quận cùng thực hiện trong công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Nội dung phòng chống trẻ SDD, thừa cân, béo phì phải được thường xuyên theo dõi, điều chỉnh qua kế hoạch từng tháng của nhà trường, GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.

Mức 1:

a/ Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b/ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c/ Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a/ Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b/ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c/ Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a/ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b/ Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Nhà trường và giáo viên thực hiện tốt việc theo dõi trẻ đến lớp được thể hiện bằng nhiều hình thức như: điểm danh, luôn nhắc nhở, khuyến khích trẻ đi học đều bằng nhiều biện pháp. Hàng năm, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đến trường đạt trên 90% và trẻ dưới 5 tuổi là 85,39%. Tính đến thời điểm tháng 3/2021 tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đến trường đạt được 93,61% và trẻ dưới 5 tuổi là 90.90%. [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Năm học	Tỷ lệ % trẻ 5 tuổi	Tỷ lệ % trẻ dưới 5 tuổi
2016-2017	91.45%	91.21%
2017-2018	93.88%	90.32%
2018-2019	93.71%	91.01%
2019-2020	92.1%	91.92%
2020-2021	93.61%	90.90%

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập GDMN và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi được chuẩn bị một cách đầy đủ tâm thế để vào lớp một, 100% trẻ 5 tuổi học tại trường hoàn thành Chương trình GDMN từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020.[H5-5.4-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Trong năm 5 liên tiếp đến thời điểm năm học 2020-2021, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2

Năm học 2020-2021, tỷ lệ chuyên cần của trẻ năm tuổi đạt 93,61%, trẻ dưới năm tuổi đạt 90.9%. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi thấp hơn 95% do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19 nên một số phụ huynh không đưa trẻ trở lại trường.[H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Năm học	Tỷ lệ % trẻ 5 tuổi	Tỷ lệ % trẻ dưới 5 tuổi
2016-2017	91.45%	91.21%
2017-2018	93.88%	90.32%
2018-2019	93.71%	91.01%
2019-2020	92.1%	91.92%
2020-2021	93.61	90.90%

Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, trẻ em 5 tuổi hoàn thành CTGDMN đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-01].

Năm học	Tổng số trẻ 5 tuổi	Tỷ lệ %
2015 - 2016	77 trẻ	100%
2016 - 2017	106 trẻ	100%
2017 - 2018	144 trẻ	100%
2018 - 2019	103 trẻ	100%
2019 - 2020	97 trẻ	100%

Trong năm 5 liên tiếp đến thời điểm năm học 2020-2021, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập

Mức 3

Từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019- 2020, trẻ em 5 tuổi hoàn thành CTGDMN đạt tỷ lệ 100% [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]; [H5-5.4-01].

Năm học	Tổng số trẻ 5 tuổi	Tỷ lệ %
2015 - 2016	77 trẻ	100%
2016 - 2017	106 trẻ	100%
2017 - 2018	144 trẻ	100%
2018 - 2019	103 trẻ	100%
2019 - 2020	97 trẻ	100%

Trong năm 5 liên tiếp đến thời điểm năm học 2019-2020, nhà trường không có

trẻ khuyết tật học hòa nhập.

2. Điểm mạnh:

Trường có kế hoạch phối hợp và vận động với cha mẹ trẻ em nên tỷ lệ chuyên cần đạt kết quả theo yêu cầu và kiểm tra theo dõi thường xuyên nên kết quả đánh giá trẻ và hoàn thành chương trình đạt 100%

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ năm tuổi vẫn còn thấp do trẻ 5 tuổi đi học chưa đều vì ảnh hưởng của dịch bệnh **covid 19**.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả điểm mạnh nhà trường đã đạt được. Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo Ban lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch về tạo môi trường vui chơi phong phú hơn, tổ chức các hoạt động thu hút trẻ và sự phối hợp giữa GV lớp và phụ huynh để trẻ ham thích đến trường và đảm bảo cho trẻ thừa cân béo phì hạn chế tăng cân.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Nhà trường đã phát triển CTGDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương cụ thể qua việc tạo môi trường hoạt động trong và ngoài nhóm lớp cho các cháu. Định kỳ, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện CTGDMN và có điều chỉnh kịp thời. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện để GV tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ, thực hiện linh hoạt các phương pháp lấy trẻ làm trung tâm trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung GD, phù hợp với từng độ tuổi của trẻ MN, đáp ứng nhu cầu, hứng thú, khả năng của mỗi trẻ. Thực hiện tốt việc tạo môi trường GD trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ đáp ứng theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Nhà trường đã đạt kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ; 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định; 100% trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Nhà trường đạt tỷ lệ chuyên cần theo quy định, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành CTGDMN đạt 100%.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Việc kiểm định chất lượng là trách nhiệm, là động lực để cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở mỗi nhà trường. Đồng thời kiểm định chất lượng còn được coi là một hoạt động có hiệu quả để đánh giá một cơ sở giáo dục, đánh giá ghi nhận một Chương trình đào tạo có đạt chất lượng hay không.

Kiểm định chất lượng giáo dục có vai trò như những chuyên gia tư vấn, sẵn sàng giúp các nhà trường giải quyết vấn đề tồn đọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục.

Kết quả kiểm định góp phần định hướng các hoạt động sau đây của xã hội:

Định hướng lựa chọn đầu tư của người học, của cha mẹ học sinh đối với cơ sở giáo dục có chất lượng và hiệu quả hơn, phù hợp với khả năng của mình. Định hướng phát triển cho các cơ sở giáo dục mầm non để tăng cường năng lực cạnh tranh (nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, công tác quản lý...)

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 1, Mức 2, Mức 3:
 - + Mức 1: 25/25 tiêu chí đạt, tỷ lệ 100%.
 - + Mức 2: 20/25 tiêu chí đạt, tỷ lệ 80%.
 - + Mức 3: 07/19 tiêu chí đạt, tỷ lệ 36.84%.
- Mức đánh giá của trường MN: Mức 1.
- Trường Mầm non Thực Hành đề nghị đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Cần Thơ, ngày 31 tháng 3 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)